| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN BẾN CẦU**<br>**TỈNH TÂY NINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 05/2020/HNGĐ-ST
Ngày 23-3-2020
V/v tranh chấp về ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN CẦU – TỈNH TÂY NINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Phan Thị Vân.

*Các Hội thẩm nhân dân*:

Ông Nguyễn Hồng Phúc;

Ông Nguyễn Văn Hải.

***- Thư ký phiên tòa***: Ông Lê Tiến Danh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa***: Ông Trần Văn Nhiều - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 3 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 19/2020/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2020 về việc "Tranh chấp về ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên toà số: 01/2020/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn*: Chị Đỗ Thị H, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Số 97/10 đường C, ấp T, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

*2. Bị đơn*: Anh Ngô Văn B, sinh năm 1985.

Địa chỉ: ấp L, xã K, huyện B, tỉnh Tây Ninh. Vắng mặt

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 14-01-2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Đỗ Thị H trình bày:* Chị và anh Ngô Văn B tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2008, có đăng ký kết hôn và được UBND xã Phước Hiệp, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn số 115 ngày 09 tháng 10 năm 2008. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống và anh B thường xuyên uống rượu, có hành vi bạo lực gia đình; từ đó dẫn

đến cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên ly thân từ năm 2015 cho đến nay. Trong thời gian ly thân anh chị cũng không có biện pháp khắc phục, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nên chị H yêu cầu ly hôn với anh Ngô Văn B.

- Về con chung: Chị H và anh B có một con chung tên là Ngô Dương Bảo K, sinh ngày 19-01-2010; hiện cháu K sống cùng chị H. Khi ly hôn, chị H yêu cầu tiếp tục nuôi cháu K, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị H cam kết chị và anh B không có nợ chung ai.

Đối với bị đơn - anh Ngô Văn B:

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt, niêm yết thông báo thụ lý, thông báo kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần nhưng anh B không đến để trình bày theo yêu cầu của Tòa án cũng như không tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử mặc dù Công an xã Long Khánh xác nhận anh vẫn còn hộ khẩu ở địa phương, anh vẫn thường xuyên đi về nhà nhưng cố tình vắng mặt không lý do. Nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh B theo quy định của pháp luật.

*Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:*

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là anh B đã được tống đạt, niêm yết giấy triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh B là đúng theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 xét xử vắng mặt nguyên đơn là đúng theo quy định. Kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, Kiểm sát viên không phát hiện vi phạm tố tụng.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị H, cho chị H được ly hôn với anh Ngô Văn B. Về con chung: Áp dụng Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 giao cháu Ngô Dương Bảo K, sinh ngày 19-01-2010 cho chị H tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, chị không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết. Về nợ chung: Chị H trình bày không có nên không đặt ra giải quyết. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 chị H phải chịu theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án do các bên cung cấp và qua kết quả thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Chị Đỗ Thị H có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu giải quyết hôn nhân giữa chị H và anh Ngô Văn B, anh B có nơi cư trú tại huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu theo qui định tại Điều 28 và Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết, anh B đã được Tòa án cấp, tống đạt, thông báo hợp lệ nhưng anh B vắng mặt không có lý do nên áp dụng Điều 227 Bộ Luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh B. Anh B phải chịu hậu quả của việc không cung cấp chứng cứ và không thực hiện nghĩa vụ chứng minh cho quyền và lợi ích hợp pháp của mình theo qui định tại các Điều 6, Điều 72 và Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, do đó căn cứ khoản 1 Điều 228 xét xử vắng mặt chị H.

[2] Về hôn nhân: Giữa chị Đỗ Thị H và anh Ngô Văn B có đăng ký kết hôn tại được UBND xã Phước Hiệp, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn số 115 ngày 09 tháng 10 năm nên hôn nhân của chị H và anh B là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và B vệ.

Chị H cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh B thường xuyên uống rượu, từ đó dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, chị và anh B ly thân từ năm 2015 cho đến nay, trong thời gian ly thân hai anh chị cũng không có biện pháp khắc phục hàn gắn tình cảm vợ chồng. Mặt khác, anh B không chấp hành theo giấy triệu tập của tòa án, cố tình vắng mặt không đến, điều đó chứng tỏ anh không có thiện chí để hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị H.

Nay xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị H và anh B đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, cho chị H được ly hôn với anh B là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị H và anh B có một con chung tên Ngô Dương Bảo K, sinh ngày 19-01-2010; hiện cháu K đang sống với chị H. Khi ly hôn, chị H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu K. Xét thấy từ ngày ly thân, chị H đã nuôi con tốt, bảo đảm nhu cầu vật chất, tinh thần cho con chung. Mặt khác, cháu K đã trên 7 tuổi, qua làm việc cháu có nguyện vọng muốn được sống chung với chị H. Do đó, cần giao cháu K cho chị H tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dụclà phù hợp theo qui định Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình. Ghi nhận chị H không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

Anh Ngô Văn B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Chị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, anh B không phải chịu án phí.

*Vì các lẽ trên*;

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị ĐỗThị H đối với anh Ngô Văn B.

Chị Đỗ Thị H được ly hôn với anh Ngô Văn B.

2. Về con chung: Giao một con chung tên Ngô Dương Bảo K, sinh ngày 19-01-2010 cho chị H tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Ghi nhận chị H không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Ngô Văn B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Đỗ Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, cho khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số: 0014074 ngày 14-01-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Anh Ngô Văn B không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo bản án: Chị Đỗ Thị H và anh Ngô Văn B có quyền kháng cáo theo trình tự thủ tục phúc thẩm lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp pháp.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Phan Thị Vân**

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Bến Cầu;
- C.c THADS huyện Bến Cầu;
- UBND xã Phước Hiệp (lưu);
- Các đương sự;
- Lưu.